

QUYẾT ĐỊNH của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao số 16/2003/TCCB ngày 17/02/2003 quy định về Bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao.

**CHÁNH ÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỐI CAO**

Căn cứ vào Điều 25 Luật tổ chức Tòa án nhân dân;

Căn cứ vào nhu cầu công tác của Tòa án nhân dân tối cao;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tổ chức - Cán bộ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Quy định bộ máy giúp việc của Tòa án nhân dân tối cao gồm các đơn vị sau đây:

1. Ban Thư ký

Chức năng, nhiệm vụ của Ban Thư ký là:

a) Nghiên cứu, đề xuất giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao giải quyết các khiếu nại đối với các Quyết định giám đốc thẩm của các Tòa chuyên trách thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

b) Giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tổ chức các phiên họp của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, làm thư ký các phiên họp của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

c) Giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thực hiện nhiệm vụ trình Chủ tịch nước về những trường hợp người bị kết án tử hình.

d) Xem xét, nghiên cứu các dự thảo quyết định

kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm để trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định.

e) Trong trường hợp cần thiết theo sự phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trực tiếp dự thảo kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm.

2. Ban Thanh tra

Chức năng, nhiệm vụ của Ban Thanh tra là:

a) Tổ chức tiếp dân; nhận đơn, thư khiếu nại của công dân, cơ quan, tổ chức; phân loại xử lý theo thẩm quyền hoặc chuyển đơn thư khiếu nại đến các Tòa chuyên trách hoặc các đơn vị chức năng khác thuộc Tòa án nhân dân tối cao hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết.

b) Giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao tiến hành kiểm tra kết luận về công tác xét xử, công tác theo dõi thi hành án phạt tù của những Tòa án nhân dân địa phương có nhiều khiếu nại, tố cáo bức xúc.

c) Thanh tra, giải quyết các khiếu nại, tố cáo với cán bộ, công chức trong ngành Tòa án nhân dân có dấu hiệu vi phạm pháp luật, kỷ luật, phẩm chất đạo đức theo sự phân công của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

3. Vụ Tổ chức - Cán bộ

Chức năng, nhiệm vụ của Vụ Tổ chức - Cán bộ là:

1. Giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thực hiện các công việc sau:

a) Quản lý tổ chức, biên chế của Tòa án nhân dân tối cao và ngành Tòa án nhân dân.

b) Quản lý và thực hiện công tác cán bộ đối với cán bộ, công chức Tòa án nhân dân tối cao.

c) Thực hiện thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức điều động đối với Thẩm phán Tòa án nhân dân địa phương, Thẩm phán Tòa án

quân sự cấp quân khu, Thẩm phán Tòa án quân sự khu vực.

d) Thực hiện thẩm quyền bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức đối với chức vụ Chánh án, Phó Chánh án Tòa án nhân dân địa phương; Chánh án, Phó Chánh án Tòa án quân sự cấp quân khu và Tòa án quân sự khu vực.

e) Phối hợp với Hội đồng nhân dân địa phương và Bộ Quốc phòng trong việc quản lý cán bộ, công chức ngành Tòa án theo các Quy chế phối hợp đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội thông qua.

g) Tổ chức đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ đối với Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, cán bộ, công chức của ngành Tòa án nhân dân.

2. Giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Ban cán sự Đảng Tòa án nhân dân tối cao thực hiện công tác bảo vệ chính trị nội bộ trong ngành Tòa án nhân dân.

3. Giúp việc cho Hội đồng tuyển chọn Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Thẩm phán Tòa án quân sự trung ương.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính

Chức năng, nhiệm vụ của Vụ Kế hoạch - Tài chính là:

Giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thực hiện các công việc sau:

a) Tổng hợp và lập kế hoạch - tài chính cho toàn ngành Tòa án nhân dân bao gồm: kinh phí chi quản lý hành chính, kinh phí đầu tư xây dựng cơ bản, kinh phí mua sắm phương tiện làm việc, kinh phí tổ chức việc đào tạo lại, bồi dưỡng nghiệp vụ, kinh phí sự nghiệp khoa học.

b) Căn cứ quyết định giao chỉ tiêu kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của ngành Tòa án nhân dân để lập kế hoạch quản lý, sử dụng kinh phí cho các Tòa án nhân dân địa phương, các đơn vị dự toán thuộc Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước.

c) Hướng dẫn lập và báo cáo dự toán ngân sách nhà nước, theo dõi và kiểm tra công tác tài chính kế toán của các Tòa án nhân dân địa phương và các đơn vị dự toán thuộc Tòa án nhân dân tối cao.

d) Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra, quyết toán vốn đầu tư xây dựng cơ bản cho các Tòa án nhân dân địa phương, các đơn vị dự toán thuộc Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của pháp luật.

5. Văn phòng

Chức năng, nhiệm vụ của Văn phòng là:

a) Thực hiện công tác tổng hợp, thống kê và giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao làm Báo cáo công tác của Tòa án nhân dân trước Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, báo cáo Chủ tịch nước và các báo cáo khác với cơ quan Đảng, Nhà nước.

b) Giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao kiểm tra thể thức văn bản của Tòa án nhân dân tối cao trước khi ban hành. Thực hiện công tác văn thư, lưu trữ, hành chính quản trị và các đảm bảo khác, phục vụ cho hoạt động của Tòa án nhân dân tối cao.

c) Giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thực hiện công tác thi đua của ngành Tòa án nhân dân.

d) Đảm bảo và quản lý cơ sở vật chất, trang thiết bị của cơ quan Tòa án nhân dân tối cao phục vụ cho sự chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao đối với ngành Tòa án nhân dân.

6. Viện Khoa học xét xử

Chức năng, nhiệm vụ của Viện Khoa học xét xử là:

a) Nghiên cứu đề tài khoa học phục vụ công tác xét xử, công tác đấu tranh và phòng ngừa tội phạm.

b) Soạn thảo các dự án luật, pháp lệnh do Tòa án nhân dân tối cao trình Quốc hội và Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

c) Phối hợp với Ban Thư ký, các Tòa chuyên trách và các đơn vị có liên quan thuộc Tòa án nhân dân tối cao để giúp Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tổng kết kinh nghiệm xét xử.

d) Soạn thảo các văn bản của Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn các Tòa án áp dụng thống nhất pháp luật.

e) Đề xuất ý kiến, giúp lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao tham gia ý kiến vào dự thảo các văn bản pháp luật do Chính phủ, các Bộ, các ngành hoặc các tổ chức soạn thảo.

f) Giúp Chánh án Tòa án nhân dân tối cao thực hiện công tác hợp tác quốc tế. Nghiên cứu pháp luật về tư pháp của nước ngoài để tham khảo, vận dụng vào công tác xây dựng pháp luật liên quan đến tổ chức và hoạt động của ngành Tòa án nhân dân.

g) Nghiên cứu đề xuất những vấn đề cần sửa đổi, bổ sung các văn bản pháp luật hiện hành có liên quan đến hoạt động của ngành Tòa án nhân dân.

h) Hợp tác với các cơ quan hữu quan để tổ chức nghiên cứu và quản lý các đề tài khoa học phục vụ công tác xét xử của ngành Tòa án nhân dân.

k) Hệ thống hóa Luật lệ về tư pháp, quản lý thư viện cơ quan, tổ chức giới thiệu sách báo, tài liệu pháp lý cần thiết cho cán bộ trong ngành, chủ yếu cho Thẩm phán và cán bộ của Tòa án nhân dân tối cao.

m) Nghiên cứu đề xuất giúp lãnh đạo Tòa án nhân dân tối cao thực hiện phát triển công nghệ thông tin phục vụ công tác xét xử.

7. Tạp chí Tòa án nhân dân

Chức năng, nhiệm vụ của Tạp chí Tòa án nhân dân là:

Tạp chí Tòa án nhân dân là cơ quan thông tin pháp lý và hoạt động của ngành Tòa án nhân dân.

8. Báo Công lý

Chức năng, nhiệm vụ của Báo Công lý là:

Tuyên truyền chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thông tin hoạt động xét xử của ngành Tòa án, hoạt động của các Tòa án và các hoạt động của các cấp, ngành liên quan đến lĩnh vực Tòa án; tuyên truyền, giáo dục ý thức pháp luật trong nhân dân, góp phần bảo vệ kỷ cương, pháp luật và công bằng xã hội.

9. Trường Bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán, Hội thẩm và cán bộ ngành Tòa án

Chức năng, nhiệm vụ của Trường Bồi dưỡng nghiệp vụ cho Thẩm phán, Hội thẩm và cán bộ ngành Tòa án là:

a) Lập kế hoạch, xây dựng chương trình nội dung bồi dưỡng nâng cao kiến thức nghiệp vụ Tòa án, trên cơ sở đó bố trí các giảng viên là cán bộ trong hoặc ngoài ngành Tòa án để giảng dạy theo nội dung và chương trình đã lập, để tổ chức các lớp học ngắn hạn hoặc dài hạn.

b) Tham gia công tác nghiên cứu khoa học xét xử, hoặc các công tác khác khi được Chánh án Tòa án nhân dân tối cao phân công.

c) Quản lý cơ sở vật chất của Trường, quản lý học viên trong thời gian mở lớp và bảo đảm phục vụ các yêu cầu về ăn, ở cho các học viên nội trú tại trường.

Điều 2. Biên chế, tổ chức và nhiệm vụ cụ thể của từng đơn vị giúp việc thuộc Tòa án nhân dân tối cao quy định tại Điều 1 của Quyết định này do Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quy định trong quy chế làm việc của từng đơn vị.

Trong trường hợp cần thiết, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ cho các đơn vị thuộc bộ máy giúp việc để thực hiện nhiệm vụ chung của Tòa án nhân dân tối cao theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày

được Ủy ban Thường vụ Quốc hội phê chuẩn, các quyết định trước đây trái với Quyết định này đều bãi bỏ./.

Chánh án Tòa án nhân dân tối cao

NGUYỄN VĂN HIỆN

LỆNH của Chủ tịch nước số 03/2003-L-CTN ngày 10/3/2003 về việc công bố Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

CHỦ TỊCH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Điều 19 của Luật Tổ chức Quốc hội;

Căn cứ vào Điều 51 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật,

NAY CÔNG BỐ:

Nghị quyết quy định tổng biên chế và số lượng Thẩm phán của Tòa án nhân dân tối cao năm 2003.

Đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam Khóa XI thông qua ngày 25 tháng 02 năm 2003./.

Chủ tịch
nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

TRẦN ĐỨC LƯƠNG

NGHỊ QUYẾT số 353/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 25/02/2003 quy định tổng biên chế và số lượng thẩm phán của Tòa án nhân dân tối cao năm 2003.

ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI
CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992 đã được sửa đổi, bổ sung theo Nghị quyết số 51/2001/QH10 ngày 25 tháng 12 năm 2001 của Quốc hội Khóa X, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ vào Luật Tổ chức Tòa án nhân dân;

Xét đề nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Tổng biên chế cán bộ, công chức của Tòa án nhân dân tối cao năm 2003 là 523 (năm trăm hai mươi ba) người, trong đó số lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao là 120 (một trăm hai mươi) người.

Điều 2. Chính phủ, Chánh án Tòa án nhân dân tối cao trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này./.

TM. Ủy ban Thường vụ Quốc hội
Chủ tịch

NGUYỄN VĂN AN